TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 6 - 2025
V/v: Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc

Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 228/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2025/QĐST - HNGĐ ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989; Số CCCD: 044189003805; Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Xuân N, sinh năm 1982; Số CCCD: 044082008001; Hộ chiếu số C8792776; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, hiện cư trú tại: Số B, ngõ A - C, đường T, quận T, Đ, Đài Loan (Trung Quốc); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Xuân N tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 10/5/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau tại gia đình chồng một thời gian. Đến năm 2020, vợ chồng bàn bạc nhau để làm thủ tục anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhằm cải thiện cuộc sống gia đình. Thời gian đầu mới sang Đài Loan, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Đến tháng 7/2023, chị phát hiện anh N có người phụ nữ khác ở Đài Loan, anh N không còn liên lạc thăm hỏi vợ con, không quan tâm vợ con nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vẫn

không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Phạm Xuân N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Tuấn V, sinh ngày 03/02/2012 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 17/3/2014, sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Tiến Đ, giao cháu Phạm Tuấn V cho anh N nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả hai đứa và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Xuân N hiện đang làm việc và cư trú tại Đ, Đài Loan. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án qua Văn phòng đại diện kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đ theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Phạm Xuân N. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh N. Tại phiên tòa anh N không có mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2025 đối với mẹ ruột bị đơn là bà Võ Thị T, theo bà T trình bày:

Anh Phạm Xuân N kết hôn với chị Trần Thị H vào năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Do tính chất công việc làm ăn của anh N nên vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau vì vậy vợ chồng có xảy ra tranh cãi. Quá trình chị H làm đơn ly hôn anh N, bà và gia đình đều biết. Hiện tại anh N đã đi xuất khẩu tại Đài Loan nhưng vẫn liên lạc thường xuyên với gia đình nhưng địa chỉ cụ thể của anh N thì bà không rõ. Việc chị H làm đơn ly hôn với anh N, bà đã thông báo cho anh N biết và anh N cũng đồng ý việc ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tuấn V, sinh năm 2012 và Phạm Tiến Đ, sinh năm 2014. Hiện các cháu đang ở với mẹ; Về tài sản chung: anh N có nguyện vọng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh N, bà và gia đình không có ý kiến vì đó là hạnh phúc của các con nên đó là quyền của các con.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Trần Thị Hoài ly H1 anh Phạm Xuân N; Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Phạm Tuấn V, sinh ngày 03/02/2012 và cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 17/3/2014 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; Buộc anh N cấp dưỡng tiền nuôi 2 con hàng tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng; Về tài sản chung không xem xét; Đương sự chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Công văn số 44/CV-QLXNC, ngày 03/01/2025 và Công văn số 999/CV-PA08 ngày 21/4/2025 của Phòng Q – Công an tỉnh Q thì anh Phạm Xuân N đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 13/02/2020 bằng hộ chiếu C8792776, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị H cung cấp địa chỉ của anh N hiện đang cư trú tại số B, ngõ A - C, đường T, quận T, Đ, Đài Loan. Như vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tống đạt đến Cơ quan Văn phòng đại diện kinh tế - văn hoá Việt Nam tại Đ để tống đạt, thu thập chứng cứ đối với anh Phạm Xuân N theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Tòa án đề nghị Cơ quan Văn phòng đại diện kinh tế - văn hoá Việt Nam tại Đ tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với anh Phạm Xuân N tại Văn phòng đại diện kinh tế - văn hoá Việt Nam tại Đ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Tòa án vẫn không nhận được phản hồi nào của Cơ quan đại diện cũng như đương sự.

Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của bị đơn và thông báo cho anh N biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị H và anh N trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đ1 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh N. Căn cứ điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Xuân N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Xuân N xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Đặc biệt kể từ khi anh N đi làm ăn ở nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa chị H và anh N không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Xuân N.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Tuấn V, sinh ngày 03/02/2012 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 17/3/2014, hiện đang ở với H, chị H có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Tuấn V và cháu Phạm Tiến Đ, phù hợp với nguyện vọng của cháu V là xin được ở với ba, cháu Đ xin được ở với mẹ. Chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi 2 con mỗi tháng từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng

Xét hiện tại anh N đang ở nước ngoài, các con đang ở với chị H nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Tuấn V và Tiến Đ cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, cũng phù hợp với bản trình bày nguyện vọng của các cháu Tuấn V và Tiến Đ muốn sống cùng mẹ.

Buộc anh N cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng cháu V hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 06/2025 cho đến khi cháu V đến tuổi trưởng thành.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài*:* Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài; Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2017,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử:

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Xuân N.

2.*Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Phạm Tuấn V, sinh ngày 03/02/2012 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 17/3/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh N cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn V hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đến tuổi trưởng thành.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3.*Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp:* Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Biên lai số 31AA/2021/0005165 ngày 19/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị H đã đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chi phí tố tụng khác: Chị H phải chịu 3.988.000 đồng tiền chi phí tố tụng khác, bao gồm 1.738.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ1. Số tiền này chị H đã nộp đủ tại Tòa án;

Anh Phạm Xuân N phải chịu nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Án sơ thẩm xử công khai, chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Xuân N vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn